

Bản án số: 296/2019/DS-PT

Ngày: 12-9-2019

V/v Tranh chấp chia thừa kế, chia
tài sản chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Phương.

Các Thẩm phán: Ông Trương Phước Tự.

Bà Nguyễn Thị Võ Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thùy Vân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Nguyễn Văn Tón – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 22/8/2019, 12/9/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 249/2019/TLPT-DS, ngày 24 tháng 4 năm 2019, về việc “Tranh chấp chia thừa kế, chia tài sản chung”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2019/DS-ST ngày 21/02/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 266A/2019/QĐ-PT, ngày 24 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Cù Thanh L, sinh năm 1962 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ 38, khóm 4, phường 6, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn:

2.1 Bà Cù Thị Lưu T, sinh năm 1956 (có mặt);

Địa chỉ: Nguyễn T, Phường 2, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

(Địa chỉ hiện nay: đường Lê L, phường 2, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp).

2.2 Ông Cù Thành V, sinh năm 1954;

Địa chỉ: đường Tháp M, phường 2, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Cù Thành V là ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1958; Địa chỉ: đường Lê L, phường 2, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp (Văn bản ủy quyền ngày 22/5/2017) (có mặt).

2.3 Bà Cù Thị Thanh N, sinh năm 1965 (vắng mặt);

Địa chỉ: đường Hùng V, phường 2, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

2.4 Bà Cù Thị Hồng L1, sinh năm 1970 (vắng mặt);

Địa chỉ: đường Hùng V, phường 2, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Trần Thị Như L, sinh năm 1961 (có mặt);

3.2 Anh Cù Khắc S, sinh năm 1986;

Cùng địa chỉ: Tổ 38, khóm 4, phường 6, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

3.3 Anh Cù Lăng T1, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Ấp Mỹ Phước 1, xã Mỹ Q, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Cù Khắc S, anh Cù Lăng T1 là ông Cù Thanh L, sinh năm 1962; Địa chỉ: Tổ 38, khóm 4, phường 6, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp (Các văn bản ủy quyền ngày 07/5/2018 và ngày 11/5/2018) (có mặt).

3.4 Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt);

Địa chỉ: Đường Lê Chánh, phường 1, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Ông Cù Thanh L là nguyên đơn, bà Cù Thị Lưu T là bị đơn và anh Cù Lăng T1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Cù Thanh L trình bày:

Ông Cù Lưu T, chết năm 1990 và bà Phạm Thị L, chết năm 2012. Khi còn sống ông bà có tạo lập được diện tích đất và căn nhà tại số 42, đường Tháp Mười, Phường 2, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp. Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà do ông T và bà L cùng đứng tên. Nguồn gốc đất là của ông T và bà L nhận chuyển nhượng và xây dựng căn nhà trên đất vào năm 1962. Trước khi chết ông T không có để lại di chúc.

Ông T và bà L có con chung gồm: Cù Thị Lưu T, Cù Thị Thanh N, Cù Thị Hồng L1, Cù Thanh L, Cù Thành V. Ngoài ra ông T còn có con riêng gồm: Cù Lăng T1 và Cù Tâm A.

Năm 2006, bà L, ông V, bà T, bà N và bà L khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung đối với diện tích đất và nhà nói trên. Vụ tranh chấp đã được Tòa án nhân dân thành phố Cao L giải quyết theo Bản án sơ thẩm số 10/2006/DSST ngày 14 tháng 02 năm 2006 và được Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp giải quyết phúc thẩm theo Bản án số 401/2006/DSPT ngày 15 tháng 9 năm 2006. Năm 2008, Bản án phúc thẩm số 401/2006/DSPT đã được thi hành xong. Ông L cho rằng vào năm 2008 Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp đã cưỡng chế ông L thi hành và nhận giá trị quyền sử dụng đất và nhà sau khi cần trừ tiền án phí và số tiền ông còn lại ông đã nhận. Sau đó, theo Quyết định giám đốc thẩm số 633 ngày 26/11/2009 đã hủy hai bản án nói trên.

Do cả bản án sơ thẩm và phúc thẩm trước đây đã bị hủy, tuy nhiên bản án phúc thẩm đã được thi hành xong. Nay ông L yêu cầu chia phần chênh lệch giá trị $\frac{1}{2}$ diện tích đất và căn nhà số 42, đường Tháp Mười, Phường 2, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp là tài sản chung cho hàng thừa kế thứ nhất của ông T hiện còn sống.

Ông L yêu cầu được hưởng chênh lệch 20.000.000 đồng so với giá đã thi hành án vào năm 2008 và yêu cầu bà T trả cho ông số tiền này.

Tại phiên tòa ông L yêu cầu bà T trả cho ông 100.000.000 đồng được hưởng lợi do bà T bán căn nhà và $\frac{1}{5}$ giá trị tài của ông T là $\frac{1}{2}$ căn nhà và đất. Yêu cầu định giá trị lại phần đất theo giá tại thời điểm xét xử để xác định thêm phần giá trị chênh lệch.

Bị đơn bà Cù Thị Lưu T trình bày:

Bà T không đồng ý với yêu cầu của ông L, do căn nhà đã bán qua cho nhiều người nên hiện nay căn nhà này không còn.

Đối với Kết luận giám định số 144/C54B ngày 27/12/2014 của Phân viện khoa học kỹ thuật hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh thì bà T thống nhất theo kết quả giám định, không yêu cầu giám định lại.

Về giá trị căn nhà: Tại thời điểm ngày 14/3/2008 đã được Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp tiến hành định giá với số tiền 1.800.002.400 đồng. Ngày 03/7/2015 Tòa án nhân dân thành phố Cao L cũng đã tiến hành định giá tài sản tranh chấp và kết quả là giá trị tài sản cũng tương đương như giá đã định trước đó.

Về địa chỉ của ông Cù Tâm A hiện tại ở đâu bà Tiếng không rõ.

Ngày 06/6/2018, bà Cù Thị Lưu T có đơn yêu cầu phản tố:

- Bà đồng ý chia tài sản chung là giá trị căn nhà số 42 đường Tháp M, phường 2, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp (không có giá trị quyền sử dụng đất của căn nhà này), sau khi chia cho bà Phạm Thị L $\frac{1}{2}$, số tiền còn lại chia thành 06 phần bằng nhau cho các đồng thừa kế là Cù Thị Lưu T, Cù Thành V, Cù Thị Thanh N, Cù Thị Hồng L, Cù Thanh L và bà Phạm Thị L. Vì giá trị căn nhà là của chung vợ chồng ông Cù Lưu T và bà Phạm Thị L.

- Bà không thống nhất chia tài sản chung là giá trị quyền sử dụng đất tại số 42 đường Tháp M, Phường 2, thành phố Cao L theo yêu cầu của ông L. Vì quyền sử dụng đất không phải của ông Cù Lưu T. Quyền sử dụng đất tại căn nhà số 42 đường Tháp M, phường 2, thành phố Cao L, có diện tích $56m^2$, thuộc thửa số 680 do UBND tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất riêng cho bà Phạm Thị L, cấp ngày 22/5/1996 vào sổ số 3538 QSDD/T1.

- Bà yêu cầu ông Cù Thanh L trả lại số tiền mà ông Cù Thanh L đã nhận giá trị quyền sử dụng đất có diện tích $56m^2$ tại căn nhà số 42, đường Tháp M, phường 2, thành phố Cao L như sau:

+ Khi thi hành Bản án dân sự phúc thẩm số 401/2006/DS-PT ngày 15/9/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc chia tài sản chung căn nhà và diện tích đất $56m^2$ tọa lạc tại số 42 đường Tháp M, Phường 2, thị xã Cao L (nay là thành phố Cao L), Cơ quan thi hành án đã lập Hội đồng định giá vào ngày 14/3/2008 với giá trị quyền sử dụng đất được định giá là 1.705.984.000 đồng, giá trị căn nhà là 94.018.400 đồng, tổng cộng 1.800.000.000 đồng (làm tròn). Cơ quan thi hành án đã chia cho bà Phạm Thị L $\frac{1}{2}$ giá trị, còn lại là 900.000.000 đồng chia làm 6 phần gồm bà Phạm Thị L, Cù Thị Lưu T, Cù Thành V, Cù Thị Thanh N, Cù Thị Hồng L1, Cù Thanh L. Ông Cù Thanh L đã được chia 150.000.000 đồng, trong đó có giá trị quyền sử dụng đất là 142.000.000 đồng.

+ Nay qua truy xuất nguồn gốc đất thì quyền sử dụng đất không phải của ông Cù Lưu T mà là của riêng bà Phạm Thị L. Bản án dân sự phúc thẩm số 401/2006/DS-PT ngày 15/9/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã lấy giá trị quyền sử dụng đất không phải của ông Cù Lưu T để chia tài sản chung là không đúng. Vậy Cù Thị Lưu T, Cù Thành V, Cù Thị Thanh N, Cù Thị Hồng L1, Cù Thanh L mỗi người phải trả lại cho bà Phạm Thị L số tiền giá trị quyền sử dụng đất là 142.000.000 đồng.

- Bà yêu cầu chia tài sản của bà Phạm Thị L vì bà Phạm Thị L chết ngày 07/8/2012 không để lại di chúc.

+ Tài sản của bà Phạm Thị L gồm: Tổng các phần tiền giá trị quyền sử dụng đất mà 05 đồng sở hữu đã nhận phân chia theo bản án dân sự phúc thẩm số 401/20016/DS-PT ngày 15/9/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp là 142.000.000 đồng x 5 phần = 710.000.000 đồng, đây là giá trị tài sản chung của

bà Phạm Thị L chưa chia.

+ Số người được chia tài sản chung của bà Phạm Thị L là 05 người con gồm: Cù Thị Lưu T, Cù Thành V, Cù Thị Thanh N, Cù Thanh L, Cù Thị Hồng L1.

+ Số tiền phải được trừ trước khi đem chia tài sản chung gồm:

Chi phí thuê chỗ ở cho bà Phạm Thị L, chi phí phục vụ điện nước, thời gian từ ngày giao nhà (theo bản án dân sự phúc thẩm số 401/2006/DS-PT ngày 15/9/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp) từ ngày 05/8/2008 đến ngày bà Phạm Thị L chết: 48 tháng x 2.000.000 đồng/tháng = 96.000.000 đồng.

Chi phí thuê người phục vụ bà Phạm Thị L, thời gian từ ngày giao nhà 05/8/2008 đến trước khi bà Phạm Thị L bệnh ngày 09/10/2009 (14 tháng): 42.000.000 đồng; từ ngày bà Phạm Thị L bệnh 09/10/2009 đến ngày bà Phạm Thị L chết (34 tháng) là 306.000.000 đồng.

Chi phí thuê xe bà Phạm Thị L điều trị bệnh tại Tp. Hồ Chí Minh (đi và về) là 3.200.000 đồng; thuê dụng cụ y tế là 2.394.000 đồng.

Chi tiền mua tả lót vệ sinh hàng ngày bà Phạm Thị L (34 tháng x 30 ngày = 1020 ngày) là 81.600.000 đồng.

Tiền công trả cho cán bộ y tế và thuê dụng cụ y tế là 9.540.000 đồng.

Chi phí mai táng cho bà Phạm Thị L gồm tiền mua đất 12.500.000 đồng, tiền xây kim tĩnh 4.209.000 đồng, cho phí đám tang bà Phạm Thị L (hòm, bia đá, xây mộ) 39.580.000 đồng. Tổng cộng là 39.580.000 đồng.

Như vậy tổng cộng các khoản tiền là 597.023.000 đồng.

+ Số tiền còn lại chia tài sản chung là 710.000.000 đồng – 597.023.000 đồng = 112.977.000 đồng.

+ Mỗi người được chia 112.977.000 đồng : 5 = 22.595.400 đồng.

Như vậy, Cù Thị Lưu T, Cù Thành V, Cù Thị Thanh N, Cù Thị Hồng L, Cù Thanh L mỗi người được chia bằng nhau là 22.595.400 đồng.

- Từ những tính toán xác định tài sản của bà Phạm Thị L được mang chia tài sản chung như trên. Vì tất cả chi phí nêu trên bà đã chi ra, do đó bà yêu cầu ông Cù Thanh L phải trả lại cho bà số tiền 119.404.600 đồng (Do ông L phải trả lại 142.000.000 đồng và trừ đi số tiền ông Lâm được chia tài sản chung của bà Phạm Thị L là 22.595.400 đồng).

Tại phiên tòa bà Cù Thị Lưu T yêu cầu ông Cù Thanh L trả lại cho bà số tiền 104.800.000 đồng. Bà T không yêu cầu những người cùng hàng thừa kế khác trả số tiền này.

Theo hồ sơ án sơ thẩm bị đơn bà Cù Thị Thanh N và Cù Thị Hồng L1,

ông Cù Thành V trình bày:

Diện tích đất tại số 42, đường Tháp M, Phường 2, thành phố Cao L là của ông Cù Lưu T và bà Phạm Thị L thuê từ năm 1962, đến năm 1990 thì ông T và bà L hợp thức hóa cùng đứng tên quyền sử dụng đất và xây dựng căn nhà trên đất cũng như cùng đứng tên quyền sở hữu nhà. Năm 1990 ông T chết và bà L chết năm 2012. Trước khi chết ông T không có để lại di chúc.

Năm 2006, bà L, ông V, bà T, bà N và bà L1 khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung đối với diện tích đất và nhà nói trên. Vụ tranh chấp đã được Tòa án nhân dân thành phố Cao L giải quyết theo Bản án sơ thẩm số 10/2006/DSST ngày 14 tháng 02 năm 2006 và được Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp giải quyết theo thủ tục phúc thẩm theo Bản án số 401/2006/DSPT ngày 15 tháng 9 năm 2006. Năm 2008 Bản án phúc thẩm số 401/2006/DSPT ngày 15/9/2006 đã được thi hành xong. Theo đó, các bên đã nhận đủ số tiền được hưởng từ việc chia tài sản của ông T sau khi căn trừ tiền án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Ông H đại diện theo ủy quyền của các bị đơn thống nhất giá trị đất và nhà theo Biên bản định giá ngày 03 tháng 7 năm 2015 của Tòa án nhân dân thành phố Cao L và Kết luận giám định số 144/C54B ngày 27/12/2014 của Phân viện khoa học kỹ thuật hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh.

Nay, ông Nguyễn Văn H đại diện theo ủy quyền của các bị đơn không đồng ý theo yêu cầu của ông Cù Thanh L, vì diện tích đất và nhà hiện tại đã không còn. Do bà N nhận chuyển nhượng theo bản án của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, đã nộp tiền cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp xong và làm thủ tục đứng tên, sau đó bà N đã chuyển nhượng cho người khác. Bà T, ông V, bà N, bà L1 đều là hàng thừa kế thứ nhất của ông T nên không có trách nhiệm phải trả tiền chênh lệch đối với giá trị nhà và đất theo yêu cầu của ông L.

Căn nhà đã bán cho nhiều người và nhà là do cơ quan Thi hành án bán theo quy định của pháp luật nên không thể giải quyết theo yêu cầu của ông L được. Căn nhà số 42 đường Tháp M phường 2 thành phố Cao Lãnh thì giữa các đương sự không có văn bản nào thống nhất xác định đây là tài sản chung.

Về giá trị căn nhà: Tại thời điểm ngày 14/3/2008 đã được Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp tiến hành định giá với số tiền 1.800.002.400 đồng. Ngày 03/7/2015 Tòa án nhân dân thành phố Cao L cũng đã tiến hành định giá tài sản tranh chấp và kết quả là giá trị tài sản cũng tương đương như giá đã định trước đó.

Ngoài ra, ông H thống nhất với việc bà T trình bày tài sản chung của ông T và bà L chỉ là căn nhà, còn diện tích đất tại số 42, đường Tháp M, Phường 2, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp là của riêng bà L. Các bị đơn không có yêu

cầu gì khác.

Về địa chỉ của ông Cù Tâm A hiện tại ở đâu ông V, bà N và bà L1 không biết nên không cung cấp được.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Như L trình bày:

Bà L thống nhất với lời trình bày của ông L. Bản án sơ thẩm số 10/2006/DSST ngày 14 tháng 02 năm 2006 của Tòa án nhân dân thành phố Cao L và Bản án số 401/2006/DSPT ngày 15 tháng 9 năm 2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp là trái quy định pháp luật nên đã bị hủy theo Quyết định giám đốc thẩm số 633 ngày 26/11/2009. Đồng thời, việc thi hành án đối với Bản án số 401/2006/DSPT ngày 15 tháng 9 năm 2006 là không đúng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Cù Khắc S do ông L là người đại diện trình bày: Thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Cù Lăng T do ông L là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Yêu cầu giám định ADN để xác định ông T là con của ông T. Nếu ông T là con ông T thì ông L yêu cầu chia tài sản của ông T.

Bản án sơ thẩm số 09/2019/DS-ST ngày 21/02/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cao L tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Cù Thanh L về việc yêu cầu bà Cù Thị Lưu T trả số tiền 20.000.000 đồng;

- Không chấp nhận yêu cầu của bà Cù Thị Lưu T về việc yêu cầu ông Cù Thanh L trả số tiền 104.800.000 đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Cù Thanh L phải nộp 1.000.000 đồng và được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã 500.000đ theo biên lai thu số 025330 ngày 08/7/2014 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao L và phải nộp tiếp số tiền 500.000 đồng.

Bà Cù Thị Lưu T phải nộp 5.240.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã 3.000.000 đồng theo biên lai thu số 0003373 ngày 19/6/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao L và phải nộp tiếp số tiền 2.240.000 đồng.

- Về chi phí tố tụng là chi phí giám định và định giá tài sản:

Ông L phải chịu tiền chi phí định giá, nhưng ông đã nộp và chi xong.

Ông T phải chịu tiền chi phí giám định, nhưng ông đã nộp và chi xong.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Cù Thanh L là nguyên đơn, bà Cù Thị Lưu T là bị đơn và anh Cù Lăng T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo nội dung.

- Ông Cù Thanh L kháng cáo yêu cầu hủy toàn bộ bản án số: 09/2019/DS-ST ngày 21 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

- Anh Cù Lăng T kháng cáo yêu cầu hủy toàn bộ bản án số: 09/2019/DS-ST ngày 21 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

- Bà Cù Thị Lưu T yêu cầu chấp nhận toàn bộ đơn yêu cầu phản tố của bà và yêu cầu được miễn toàn bộ số tiền án phí sơ thẩm, phúc thẩm.

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp kháng nghị với nội dung đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử theo hướng hủy bản án sơ thẩm số: 09/2019/DS-ST ngày 21 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Cù Thanh L thay đổi nội dung khởi kiện và nội dung kháng cáo, ông L xin bà Tiếng cho ông L 50.000.000đ để kết thúc vụ án và ông Cù Thanh L đại diện theo ủy quyền của Cù Lăng T rút toàn bộ kháng cáo của ông T.

- Bà Cù Thị Lưu T đồng ý với yêu cầu của ông L, đồng ý tặng cho ông Cù Thanh L 50.000.000đ để kết thúc vụ án.

- Bà Trần Thị Như L đồng ý với ý kiến của ông L.

- Ông Nguyễn Văn H đồng ý với ý kiến của bà T.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh tại phiên tòa phúc thẩm phát biểu về tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của pháp luật; về nội dung đề nghị công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, Viện kiểm sát rút toàn bộ kháng nghị, sửa án sơ thẩm theo sự thỏa thuận của đương sự.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Cù Thanh L thỏa thuận xin bà Cù Thị Lưu T số tiền 50.000.000đ để hai bên hàn gắn tình cảm và kết thúc vụ án, ông L đại diện cho anh T cũng rút toàn bộ kháng cáo, bà T đồng ý cho ông L 50.000.000đ để kết thúc vụ án, các đương sự khác cũng đồng ý với sự thỏa thuận của ông L và bà T, không có ý kiến khác. Hội đồng xét xử nhận thấy đây là sự thỏa thuận tự nguyện của các đương sự, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của luật nên được công nhận.

[2]. Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh đề nghị công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, Viện kiểm sát rút kháng nghị, sửa án sơ thẩm là có cơ sở nên được chấp nhận.

[3]. Do các đương sự thỏa thuận được tại phiên tòa, cấp phúc thẩm cần phải sửa án sơ thẩm, các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm. Riêng bà Cù Thị Lưu T là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên được xét miễn án phí sơ thẩm theo luật định.

[4]. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị, có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 289, Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của anh Cù Lăng T và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

2. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2019/DS-ST ngày 21/02/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

3. Công nhận sự tự nguyện của bà Cù Thị Lưu T tặng cho ông Cù Thanh L 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày ông L có đơn yêu cầu thi hành án mà bà T chưa thanh toán số tiền phải thi hành án nêu trên, thì bà T còn phải chịu lãi cho ông L theo mức lãi quy định tại Khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành án xong.

4. Về án phí dân sự:

+ Ông Cù Thanh L phải nộp 1.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp

500.000đ theo biên lai thu số 025330 ngày 08/7/2014 và 300.000đ theo biên lai thu số 0005334 ngày 18/3/2019 (do Trần Thị Như L nộp thay) của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao L, ông L còn phải nộp tiếp số tiền 450.000 đồng (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Bà Cù Thị Lưu T được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.000.000 đồng theo biên lai thu số 0003373 ngày 19/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao L.

+ Anh Cù Lăng T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005335 ngày 18/3/2019 (do Trần Thị Như L nộp thay) của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao L.

5. Về chi phí giám định và định giá tài sản:

+ Ông Cù Thanh L phải chịu tiền chi phí định giá (đã nộp và chi xong).

+ Anh Cù Lăng T phải chịu tiền chi phí giám định (đã nộp và chi xong).

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND thành phố Cao L;
- CCTHADS thành phố Cao L;
- Phòng KTNV-THA TAND Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Văn Phương